**DANH SÁCH SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 2014**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ tên** | **Lớp** | **Tên đề tài** | **Người hướng dẫn** |
|  | Nguyễn Dương Anh | K56 | Ngữ dụng học của từ “đó” và “kia”  | PGS. TS. Nguyễn Hồng Cổn |
|  | Nguyễn Thị Kim Anh | K56 | Xu hướng đặt nick thế hệ 7x, 8x, 9x trong mạng xã hội facebook | GS. TS. Nguyễn Văn Khang |
|  | Nguyễn Thị Kim Anh | K56 | Bước đầu khảo sát cấu trúc và chức năng thông tin của vị ngữ phụ (trên cơ sở tư liệu một số truyện ngắn Việt Nam) | TS. Đỗ Hồng Dương |
|  | Nguyễn Thị Minh Châu | K55 | Tình hình mù chữ và tái mù chữ ở huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên | GS. TS. Trần Trí Dõi |
|  | Phạm Thị Diễn | K56 | Tìm hiểu nghĩa của tiếng lóng dành cho giới trẻ trên báo Hoa học trò | TS. Phạm Thị Thúy Hồng |
|  | Nguyễn Thị Điểm  | K56 | Khảo sát năng lực tiếng Hoa của người Hoa xã Hoàng Hoa Thám, thị xã Chí linh tỉnh Hải Dương | PGS. TS. Nguyễn Văn Hiệu |
|  | Lê Thị Hà | K56 | Một vài đặc điểm ngôn ngữ đối đáp trong hát ví xứ Nghệ xét về mặt hình thức | PGS. TS. Nguyễn Hữu Đạt |
|  | Nguyễn Thị Thu Hà | K56 | Định nghĩa câu và thành phần câu trong sách giáo khoa tiếng Việt lớp 4 | PGS. TS. Hoàng Anh Thi |
|  | Phạm Thúy Hằng | K56 | Khảo sát xu hướng Âu hóa qua nghệ danh của các nghệ sĩ trẻ ở Việt Nam hiện nay | GS. TS. Nguyễn Văn Khang |
|  | Nguyễn Thu HiềnCung Thị Như NgọcHoàng Thị Mơ | K57 | Cách sử dụng tính từ trong quảng cáo sữa tươi Vinamilk trên truyền hình (2012-2014) | TS. Đinh Kiều Châu |
|  | Trần Thị Mai Hoa | K56 | Ẩn dụ trong thơ Tố Hữu qua hai tập thơ Từ ấy và Việt Bắc | PGS. TS. Nguyễn Hữu Đạt |
|  | Bùi Thị Hoa | K55 | Nghiên cứu lời chào hỏi của người Mường ở huyện Thạch Thành tỉnh Thanh Hóa | PGS. TS. Nguyễn Văn Chính |
|  | Nguyễn Thị Hoa | K56 | Tìm hiểu đặc điểm tên người trong dòng họ Nguyễn Duy làng Đông Linh xã An Bài huyện Quỳnh Phụ tỉnh Thái Bình | GS. TS. Nguyễn Văn Khang |
|  | Hoàng Thị Hồng | K56 | Biểu hiện quan hệ quyền thế trong diễn ngôn hội thoại (trên cứ liệu chương trình Gặp nhau cuối năm 2010-2014) | PGS. TS. Nguyễn Văn Chính |
|  | Nguyễn Mai Huyền | K56 | Ngôn ngữ mơ hồ trong quảng cáo truyền hình | TS. Đinh Kiều Châu |
|  | Đoàn Thị Huyền | K56 | Bước đầu tìm hiểu một số vấn đề ngôn ngữ và văn hóa trong tín ngưỡng thờ cúng Thánh Dóng | TS. Trần Thị Hồng Hạnh |
|  | Lê Thị Mai Hương | K56 | Cá và các tổ hợp định danh có yếu tố cá trong tiếng Việt | GS. TS. Nguyễn Văn Khang |
|  | Nguyễn Thị Thảo Hương | K56 | So sánh đặc điểm sử dụng ngôn ngữ trong quảng cáo truyền hình thương hiệu bia Heineken và một số thương hiệu bia Việt Nam | PGS. TS. Nguyễn Hữu Đạt |
|  | Cao Thị Hường | K55 | Một vài đặc điểm về cấu tạo nguồn gốc và tính chuẩn hóa của các thuật ngữ ở phần đầu cuốn Atlas giải phẫu | ThS. Võ Thị Minh Hà |
|  | Lê Thị Hương Lan | K55 | Khảo sát tên gọi của các tác phẩm văn học Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945 | PGS. TS. Phạm Tất Thắng |
|  | Mai Thùy LinhHoàng Thị Thu | K56 | Khảo sát đặc điểm ngữ âm, từ vựng vùng Cổ Địch, Tân Ninh, Triệu Sơn, Thanh Hóa | GS. TS. Trần Trí Dõi |
|  | Trần Diệu Linh | K56 | Vấn đề giới trong tên người Việt (trên tư liệu học sinh tuổi từ 12-15 trường THCS Thực Nghiệm) | GS. TS. Nguyễn Văn Khang |
|  | Bùi Thị Thanh LoanNguyễn Thị Hải Linh | K56 | Khảo sát năng lực tiếng Mường của người Mường ở xóm Bôi Cả, xã Nam Thượng, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình | PGS. TS. Nguyễn Văn Hiệu |
|  | Nguyễn Thị Lợi | K56 | Đối chiếu động từ “ăn” trong tiếng Việt với động từ “eat” trong tiếng Anh | TS. Trần Thị Hồng Hạnh |
|  | Vũ Thị Phương Ly | K56 | Tìm hiểu từ ngữ phái sinh chỉ màu trong tiếng Việt | TS. Phạm Thị Thúy Hồng |
|  | Phạm Nguyệt Minh | K56 | Sự kì thị giới trong thành ngữ tiếng Anh (có sự đối chiếu với tiếng Việt) | GS. TS. Nguyễn Văn Khang |
|  | Phạm Thị Nga | K56 | Bước đầu tìm hiểu về những đặc trưng cấu trúc của các thành ngữ mới trong cuốn “Phê như con tê tê” | PGS. TS. Phạm Văn Tình |
|  | Nguyễn Thị Thanh Ngà | K56 | Ý nghĩa các con số trong văn hóa người Việt | TS. Phạm Thị Thúy Hồng |
|  | Nguyễn Hà NgânVũ Phương Uyên | K56 | Khảo sát tình hình sử dụng từ xưng hô “mợ, thím” trong gia đình Việt ở một số tỉnh phía Bắc | GS. TS. Nguyễn Văn Khang |
|  | Nhâm Thị Thủy Ngân | K55 | Khảo sát đặc điểm phiên âm tên riêng nước ngoài trên báo Nhân dân giai đoạn 1983-2012 | GS. TS. Nguyễn Văn Hiệp |
|  | Đỗ Thị Minh Nguyệt |  | Từ lóng trong tác phẩm Bỉ vỏ của Nguyên Hồng | PGS. TS. Nguyễn Hữu Đạt |
|  | Nguyễn Thị Nhinh | K56 | Xưng hô của người Việt ở môi trường công sở | PGS. TS. Hoàng Anh Thi |
|  | Đào Thị Hồng Nhung | K56 | Nhận xét bài viết về tiếng Mường của John và D.Phan trên tạp chí Mon-Khmer Studies số 40 | GS. TS. Trần Trí Dõi |
|  | Hoàng Thị Hồng Nhung | K55 | Bước đầu tìm hiểu đặc điểm ngôn ngữ biển hiệu của các cửa hang thời trang | PGS. TS. Nguyễn Hữu Đạt |
|  | Phạm Thị Hồng Nhung | K56 | Khảo sát hiện tượng từ nghề nghiệp và hệ thống mật ngữ tại làng làm cối xay Đa Chất | TS. Trần Thị Hồng Hanh |
|  | Nguyễn Thị Hà Phương | K55 | Nhóm từ chỉ món ăn trong tiếng Việt và việc chuyển dịch sang tiếng Anh | PGS. TS. Hoàng Anh Thi |
|  | Phạm Hồng Tân | K55 | Ảnh hưởng ngôn ngữ trên mạng xã hội trong việc sử dụng ngôn ngữ của giới trẻ (nghiên cứu qua trường hợp sinh viên ĐHKHXH&NV – ĐHQGHN) | PGS. TS. Nguyễn Thị Việt Thanh |
|  | Cát Thị Thanh TháiTrương Thùy Linh | K57 | Khảo sát sơ bộ việc sử dụng từ ngoại lai gốc Anh về thể thao trong tiếng Việt hiện đại trên một số báo điện tử và báo in (từ 2000 đến nay) | GS. TS. Trần Trí Dõi |
|  | Ngô Thị Thân | K56 | Bước đầu khảo sát đặc điểm sử dụng ngôn ngữ trong chương trình thời sự Đài PTTH Quảng Ninh (qua tư liệu Đài PTTH Quảng Ninh) | PGS. TS. Nguyễn Hữu Đạt |
|  | Nông Thị Mai Thơ | K56 | Cảnh huống đa ngữ trên địa bàn thị trấn Bằng Lũng – Chợ Đồn, Bắc Kạn | GS. TS. Trần Trí Dõi |
|  | Trần Hoài ThuNguyễn Thị Ngọc Thủy | K56 | Từ địa phương trong ví giặm Nghệ Tĩnh | PGS. TS. Nguyễn Hữu Đạt |
|  | Nguyễn Thị Thu Thủy | K56 | Khảo sát sự phân bố sử dụng của mã – ngọ - ngựa trong tiếng Việt | GS. TS. Nguyễn Văn Khang |
|  | Nguyễn Thị Anh ThưNguyễn Thị Phương TrangNguyễn Nhật Minh | K56 | Đối chiếu so sánh uyển ngữ cái chết trong tiếng Anh và tiếng Việt | TS. Trần Thị Hồng Hạnh |
|  | Vũ Anh Thư | K55 | Hiện tượng chuyển mã tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt trên facebook | PGS. TS. Trịnh Cẩm Lan |
|  | Đặng Lê Thủy Tiên | K56 | Khảo sát trường nghĩa chỉ hoạt động “cầm/nắm” trong tiếng Việt | TS. Phạm Thị Thúy Hồng |
|  | Lê Thị Thanh Tình | K55 | Nhóm từ chỉ trái cây trong tiếng Việt và việc chuyển dịch sang tiếng Anh | PGS. TS. Hoàng Anh Thi |
|  | Lê Mai Trang | K56 | Khảo sát địa danh khu vực đền Hùng thuộc xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | PGS. TS. Trịnh Cẩm Lan |
|  | Lê Thị Tuyên | K56 | Khảo sát lỗi chính tả của học sinh trường tiểu học Tân Châu | PGS. TS. Trịnh Cẩm Lan |
|  | Nguyễn Thị Trang | K56 | Ẩn dụ tri nhận – Hiệu quả tu từ của ẩn dụ tri nhận trong bản Tuyên ngôn độc lập của chủ tịch HCM | GS. TS. Nguyễn Văn Hiệp |
|  | Phạm Thị Thu Trang | K55 | Khảo sát từ ngữ nghề cá tại huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định | ThS. Võ Thị Minh Hà |
|  | Đặng Thị Trâm | K55 | Một vài đặc điểm của tên đường phố trên địa bàn quận Hoàn Kiếm và Cầu Giấy | TS. Mai Xuân Huy |
|  | Nguyễn Thị Ánh TuyếtĐinh Thị Hoa | K56 | Định kiến về giới trong tục ngữ Mường | GS. TS. Trần Trí Dõi |
|  | Lưu Thị VânVy Hạnh VinhPhạm Thị Thu Hà | K56 | Đặc điểm ngôn ngữ và giá trị của lời ru (Khảo sát qua các bài ca dao có hình tượng con cò) | TS. Nguyễn Thị Phương Thùy |
|  | Trần Thị Hải Yến | K55 | Tình hình mù chữ và tái mù ở huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên (trường hợp xã Quài Cang) | GS. TS. Trần Trí Dõi |

 **KHOA NGÔN NGỮ HỌC**